

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 05/2018/DS-ST

Ngày: 31/5/2018

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải.

Ông Hồ Văn Hạnh.

Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Anh Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Văn Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 167/2017/TLST–DS ngày 12/12/2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2018/QĐXX-ST ngày 06/4/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Đ, có mặt.

Địa chỉ: Thôn X, xã Ea Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Triệu Văn Q, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

-Người làm chứng:

1. Ông Lưu Đức H, có mặt.

Địa chỉ: Thôn X, xã Ea Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

2. Cháu Hoàng Văn Q, sinh ngày 14/11/2001. Đại diện hợp pháp của cháu Hoàng Văn Q: Bà Hoàng Thị T, đều có mặt.

Đều trú tại thôn Đồng T, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04/12/2017, nguyên đơn bà Bùi Thị Đ trình bày:

Vào ngày 10/4/2017 do chỗ quen biết với nhau nên anh Triệu Văn Q có đến nhà tôi vay số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), hẹn 15 ngày sau sẽ

trả tức là đến ngày 25/4/2017, lãi suất theo thoả thuận. Tuy nhiên sau khi vay đã quá hạn nhưng anh Q không chịu trả nợ, nay tôi yêu cầu anh Q phải trả cho tôi tổng số tiền 43.600.000đ (Bốn mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng), trong đó tiền gốc 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), tiền lãi kể từ ngày vay 10/4/2017 đến nay tính tròn 09 tháng x 1%/tháng, thành tiền 3.600.000đ (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng). Việc vay tiền chỉ có mình ông Q vay nên tôi yêu cầu mình ông Q phải trả nợ và không yêu cầu vợ ông Q phải liên đới trả nợ.

Tại phiên toà bà Đ xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông Q phải trả nợ gốc 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), lãi suất bà Đ không yêu cầu.

- *Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hoà giải ông Triệu Văn Q trình bày:*

Tôi và vợ chồng bà Bùi Thị Đ có quan hệ bạn bè với nhau. Ngày 10/4/2017 tôi có vay của bà Đ số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), lãi suất hai bên tự thoả thuận, hẹn tới ngày 25/4/2017 sẽ trả đủ gốc và lãi. Nhưng thực tế trước đó khoảng tháng 2, tháng 3/2017 tôi có cho bà Đ vay số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), có lập giấy viết tay. Nay bà Đ yêu cầu tôi trả số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) và lãi suất kể từ ngày vay 10/4/2017 tính tròn 09 tháng x 1%/tháng, thành tiền 3.600.000đ thì tôi không đồng ý. Lý do số tiền tôi vay bà Đ ngày 10/4/2017 đã trừ vào số tiền tôi cho bà Đ vay trước đó nên xem như hai bên không còn nợ gì nhau nữa.

-*Người làm chứng ông Lưu Đức H trình bày:* Ông là chồng của bà Bùi Thị Đ, vào tháng 2/2017 vợ chồng tôi có vay của ông Triệu Văn Q số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), hẹn ba tháng sau sẽ trả, nhưng sau đó cuối tháng hai vợ chồng tôi có tiền nên đã trả cho ông Q, khi trả có cháu Q làm chứng, sau đó mấy ngày ông Q nói với vợ chồng tôi muốn mua đất nên cho ông Q vay lại số tiền là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), khi vay chỉ có vợ chồng tôi và ông Q, có viết giấy tay do tôi viết và ông Q ký xác nhận bên dưới, sau khi vay ông Q không chịu trả nên nay tôi yêu cầu ông Q phải trả cho vợ tôi số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng).

-*Người làm chứng cháu Hoàng Văn Q trình bày:* Gia đình cháu có quen biết với ông Triệu Văn Q nên cháu có biết sự việc vào khoảng tháng 2/2017 (cháu không nhớ rõ thời điểm chính xác) ông Q có vay của bà Đ số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), còn khi vợ chồng ông H, bà Đ trả tiền cho

cho ông Q thì cháu không biết và không chứng kiến việc này. Nay bà Đ yêu cầu ông Q trả nợ cháu không có ý kiến gì.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật, bị đơn vi phạm khoản 15 Điều 70 BLTTDS và không chấp hành triệu tập của Tòa án. Về nội dung đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Triệu Văn Q phải trả cho bà Bùi Thị Đ số nợ gốc 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng).

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu, xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu đòi nợ của nguyên đơn HĐXX xét thấy: Vào ngày 10/4/2017 ông Q có vay của bà Đ số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), lãi suất hai bên tự thỏa thuận, hẹn tới ngày 25/4/2017 sẽ trả đủ gốc và lãi. Khi vay hai bên có viết giấy nhận nợ, có chữ ký xác nhận số nợ trên của ông Q và các tài liệu, chứng cứ thể hiện đã được ông Q thừa nhận. Vì vậy ông Q phải chịu trách nhiệm về khoản nợ theo giấy xác nhận công nợ đã ký với bà Đ.

Ông Q đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết và vi phạm thời hạn thanh toán nợ đã ký với bà Đ. Nay bà Đ yêu cầu ông Q phải trả cho bà Đ số nợ gốc 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), lãi suất không yêu cầu. Xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với giấy vay tiền ghi ngày 10/4/2017, phù hợp với lời khai của bị đơn ông Q và phù hợp với các Điều 463; 466 BLDS năm 2015 và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên cần chấp nhận.

[3] Xét lời khai của bị đơn ông Q HĐXX xét thấy: Ông Q khai rằng giữa ông và vợ chồng bà Bùi Thị Đ có quan hệ bạn bè với nhau. Ngày 10/4/2017 ông

có vay của bà Đ số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), lãi suất hai bên tự thoả thuận, hẹn tới ngày 25/4/2017 sẽ trả đủ gốc và lãi. Nhưng thực tế trước đó khoảng tháng 2, tháng 3/2017 ông có cho bà Đ vay số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), có lập giấy viết tay. Nay bà Đ yêu cầu ông trả nợ thì ông không đồng ý. Lý do số tiền ông vay bà Đ ngày 10/4/2017 đã trừ vào số tiền ông đã cho bà Đ vay trước đó nên xem như hai bên không còn nợ gì nhau nữa. Tuy nhiên ngoài lời khai, ông Q không có tài liệu, chứng từ gì để chứng minh, đồng thời bà Đ cũng không thừa nhận việc bà còn nợ của ông Q số tiền trên, bà Đ cho rằng bà Đ có vay của ông Q số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), có lập giấy viết tay, nhưng khi trả nợ cho ông Q bà đã xé giấy vay tiền nên không có việc hiện nay bà còn nợ ông Q số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) và Toà án đã yêu cầu ông Q xuất trình giấy vay tiền của bà Đ đã vay của ông nhưng ông Q không giao nộp cho Toà án thì xem như ông từ bỏ quyền chứng minh của mình, nên HĐXX không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của ông Q về việc yêu cầu bà Đ phải trả đi số tiền bà Đ đã vay.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí DSST.

- Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 463; 466 Bộ Luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Đ.

Buộc ông Triệu Văn Q có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị Đ tổng số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) nợ gốc, lãi suất bà Đ không yêu cầu.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án khi người được thi hành án có đơn yêu cầu.

3. Về án phí: Ông Triệu Văn Q phải chịu 2.000.000đ án phí DSST.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Bùi Thị Đ 1.090.000đ (*Một triệu không trăm chín mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0003924, ngày 12/12/2017, tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKS tỉnh, thị xã;
- THA dân sự thị xã;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Đinh Thị Hoàng